

DOI:10.22144/ctu.jvn.2023.052

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG TUỔI THỌ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THEO VÒNG ĐỜI DỰ ÁN

Nguyễn Thanh Tâm^{1*}, Trần Văn Khánh¹ và Nguyễn Ngọc Phi²

¹Khoa kỹ thuật và công nghệ, Trường Đại học Trà Vinh

²Ban Quản lý dự án nông nghiệp tỉnh An Giang

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Thanh Tâm (email: tamxd@tvu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 26/10/2022

Ngày nhận bài sửa: 18/11/2022

Ngày duyệt đăng: 23/11/2022

Title:

Study on factors affecting the quality of service life of irrigation works in the Mekong Delta in project life cycle

Từ khóa:

Chất lượng tuổi thọ công trình thủy lợi, vòng đời dự án, Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), biểu đồ xương cá

Keywords:

Quality of service life of irrigation works, project life cycle, Mekong Delta, fishbone diagram

ABSTRACT

The objective of this study is to find out the factors affecting the quality of service life of irrigation works. The system of factors was compiled in the form of fishbone diagrams by reviewing the regulations of construction legislation. In addition, this study was carried out by synthesizing and analyzing the results of interviews with experts in irrigation works using an open-ended questionnaire. The research results show 34 main construction activities according to the project life cycle. Accordingly, there are 15 activities and 37 factors affecting the quality of service life of the irrigation works. The study finds out the factors that have a negative impact on the quality of service life of irrigation works and a proposed solution is to divide the length of the project life cycle into 3 phases and list the management roles of participating units to help improve the quality of service life of irrigation works in the Mekong Delta.

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này là tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tuổi thọ công trình thủy lợi. Hệ thống các yếu tố được tổng hợp dưới dạng biểu đồ xương cá qua việc lược khảo các quy định thể chế pháp luật về xây dựng. Ngoài ra, nghiên cứu cũng tổng hợp, phân tích kết quả phỏng vấn chuyên gia thủy lợi bằng bảng câu hỏi mở. Kết quả nghiên cứu đưa ra 34 hoạt động xây dựng chính theo vòng đời dự án. Trong đó có 15 hoạt động và 37 yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tuổi thọ công trình thủy lợi. Nghiên cứu tìm ra các yếu tố tác động tiêu cực đến chất lượng tuổi thọ công trình thủy lợi và đề xuất giải pháp chia chiều dài của vòng đời dự án thành ba giai đoạn và liệt kê vai trò quản lý của các đơn vị tham gia nhằm giúp nâng cao chất lượng tuổi thọ công trình thủy lợi vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

1. GIỚI THIỆU

Hiện nay toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có khoảng 1.143 công vừa và lớn (khẩu độ từ 4m trở lên), những công có khẩu độ cực lớn

như cống Láng Thè (liên tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long) rộng 100m, công đập cao su phân lũ, chậm lũ Tha La, Trà Sư; trên 90.000km kênh mương, trong đó kênh chính và kênh cấp I có 21.452km; kênh cấp II có 27.452km (Hạnh, 2014). Với hệ thống thủy lợi

rộng khắp như trên, ngoài những công trình đã và đang phát huy tác dụng, đạt hiệu quả đầu tư thì còn không ít công trình kém chất lượng, nhanh xuống cấp. Đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu như hiện nay thì càng có nhiều yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến chất lượng công trình thủy lợi.

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Trà Vinh (2014), trong vài năm trở lại đây trên tuyến kè Hiệp Thành xuất hiện nhiều điểm sụp lún bị hư hỏng nặng (Hình 1)



Hình 1: Hiện trường sụp lún kè Xã Hiệp Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tháng 12/2014

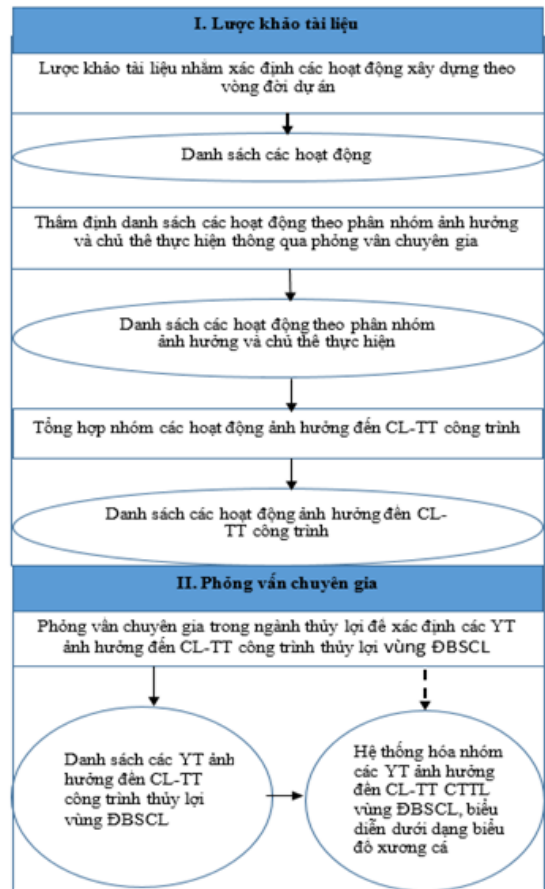
Qua khảo sát lấy kiến kiến từ các chuyên gia trong ngành xây dựng, nghiên cứu đã tìm ra 4 nhân tố ảnh hưởng đến quản lý chất lượng thi công công trình xây dựng như công tác lựa chọn nhà thầu, công tác tư vấn xây dựng, công tác nghiệm thu và công tác bảo trì bảo dưỡng công trình (Hoàng & Vân, 2015). Theo tính chất đặc thù của ngành xây dựng, đặc biệt trong quá trình thi công luôn chịu ảnh hưởng của các yếu tố như môi trường, nhân công, thiết bị, vật tư,... nên quá trình triển khai thực hiện dự án luôn phải đương đầu với nhiều rủi ro, khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành dự án (Lan, 2007). Các dự án xây dựng lớn ở Việt Nam được xác định thường gặp năm vấn đề là: Dự án bị trì hoãn, vượt chi phí, tải nạn lao động, chất lượng kém và tranh chấp giữa các bên do các yếu tố nhà thiết kế, nhà thầu không đủ năng lực, ước tính kém và quản lý thay đổi, các vấn đề xã hội và công nghệ, các vấn đề liên quan đến địa điểm và không đúng kỹ thuật và dụng cụ. (Long và ctv., 2004). Trong dòng đời dự án, các yếu tố chi phí và thời gian thi công dự án làm ảnh hưởng công tác quản lý trong điều hành dự án. (Tuấn, 2014).

Có thể thấy trong các nghiên cứu này, các tác giả chỉ tập trung vào công tác quản lý chất lượng trong giai đoạn thi công, giai đoạn quản lý vận hành mà thiếu tính xuyên suốt từ giai đoạn hình thành ý tưởng lập dự án, thực hiện dự án đến quản lý vận

hành khai thác một dự án xây dựng và rất nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng công trình đã được nêu ra và hầu như chỉ tập trung vào giai đoạn thực hiện dự án mà thiếu nhìn nhận một cách tổng thể từ lúc hình thành đến kết thúc dự án, đặc biệt là giai đoạn quản lý khai thác. Chính vì lẽ đó, tác giả phân tích các giai đoạn từ ý tưởng quy hoạch, lập dự án, thực hiện dự án cho đến vận hành khai thác dự án để tìm ra chuỗi hoạt động và các yếu tố ảnh hưởng đến CL-TT-CTTL vùng ĐBSCL xuyên suốt vòng đời dự án.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu được tóm tắt bằng sơ đồ sau:



Hình 2. Sơ đồ các bước nghiên cứu

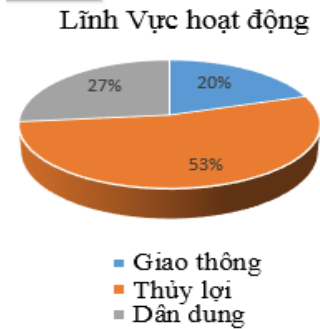
Thông qua lược khảo tài liệu theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 (Chính phủ Việt Nam (2015) và Luật 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 (Quốc hội Việt Nam (2014)). Nghiên cứu đã lọc ra được danh sách các hoạt động (HD) theo vòng đời dự án (Bảng 1). Tác giả tiến hành phỏng vấn khảo sát ý kiến các chuyên gia để xác định các

hoạt động chính ảnh hưởng và phân chia các hoạt động theo phân nhóm ảnh hưởng và chủ thể thực hiện đến CL - TT - CTTL vùng ĐBSCL theo vòng đời dự án. Trong lần phỏng vấn khảo sát thứ nhất, bảng câu hỏi được thiết kế gồm 2 phần:

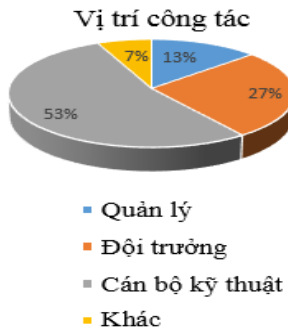
Phần A: Gồm các thông tin chung về lĩnh vực công tác hoạt động, vị trí công tác, kinh nghiệm làm việc, vai trò chủ thể thực hiện, học vị chuyên gia tham gia phỏng vấn.

Phần B: Khảo sát các hoạt động ảnh hưởng (Bảng 1) đến chất lượng tuổi thọ công trình. Sau khi khảo sát lần thứ nhất như trên, tác giả tổng hợp kết quả từ ý kiến chuyên gia và hệ thống hóa các hoạt động chính ảnh hưởng đến chất lượng – tuổi thọ công trình. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp chuyên gia lần 2 để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến CL - TT - CTTL vùng ĐBSCL.

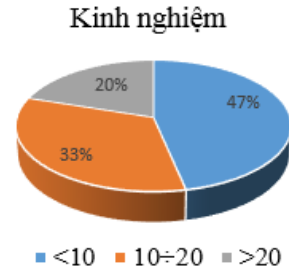
Trong nguyên cứu này, tác giả phỏng vấn các chuyên gia đáp ứng các tiêu chí về lĩnh vực hoạt động xây dựng, vị trí công tác, kinh nghiệm công tác, vai trò trong dự án hiện tại đang thực hiện và học vị. Tất cả được tổng hợp từ Hình 3 đến Hình 7.



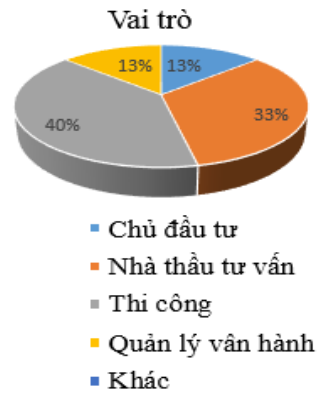
Hình 3. Tỷ lệ lĩnh vực hoạt động của nhóm chuyên gia được phỏng vấn



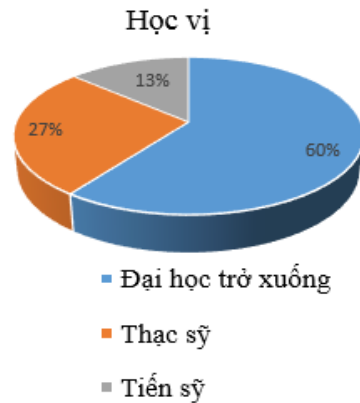
Hình 4 : Tỷ lệ vị trí công tác của nhóm chuyên gia được phỏng vấn



Hình 5. Tỷ lệ phần trăm kinh nghiệm của nhóm chuyên gia được phỏng vấn



Hình 6. Tỷ lệ phần trăm vai trò của nhóm chuyên gia được phỏng vấn



Hình 7. Tỷ lệ phần trăm học vị của nhóm chuyên gia được phỏng vấn

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Qua kết quả phân tích lượt khảo tài liệu và thu thập được tổng cộng 34 hoạt động xây dựng tương ứng với 3 giai đoạn theo vòng đời dự án (Bảng 1).

Bảng 1. Danh sách các hoạt động theo vòng đời dự án điều 6 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015

Giai đoạn thực hiện theo Luật 50/2014/QH13	Ký hiệu hoạt động	Hoạt động chính theo vòng đời dự án (Điều 6 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015)
<i>Chuẩn bị đầu tư (I-Organizing & preparing)</i>	1.1	Ý tưởng đầu tư, kết quả điều tra thăm dò
	1.2	Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có)
	1.3	Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng để xem xét quyết định đầu tư xây dựng
	1.4	Xin chủ trương đầu tư
	1.5	Lựa chọn địa điểm đầu tư
	1.6	Lựa chọn nhà thầu KS lập quy hoạch giai đoạn lập dự án đầu tư
	1.7	Lập QH xây dựng chi tiết
	1.8	Phê duyệt quy hoạch chi tiết
	1.9	Lựa chọn nhà thầu lập dự án đầu tư
	1.10	Lập và phê duyệt phương án đền bù GPMB
	1.11	Lập báo cáo đầu tư (nếu là dự án nhóm A)
	1.12	Lập dự án đầu tư
	1.13	Xin thỏa thuận đầu nới hạ tầng kỹ thuật
	1.14	Lập thiết kế cơ sở và thẩm định thiết kế cơ sở
	1.15	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết đảm bảo môi trường
	1.16	Phê duyệt dự án đầu tư
	1.17	Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Thực hiện đầu tư (II-Carrying out the project)	2.1	Thực hiện thuê đất hoặc giao đất (nếu có)
	2.2	Chuẩn bị mặt bằng xây dựng
	2.3	Rà phá bom mìn (nếu có)
	2.4	Khảo sát xây dựng
	2.5	Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng
	2.6	Cấp giấy phép xây dựng (đối với công trình theo quy định phải có giấy phép xây dựng)
	2.7	Tổ chức lựa chọn NT và ký HD xây dựng
	2.8	Thi công xây dựng
	2.9	Giám sát thi công xây dựng
	2.10	Tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành
	2.11	Nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành
	2.12	Bàn giao CT hoàn thành đưa vào sử dụng
	2.13	Vận hành, chạy thử và thực hiện các công việc cần thiết khác
Kết thúc dự án(III-Operation and intenance)	3.1	Quyết toán hợp đồng xây dựng
	3.2	Bảo hành công trình
	3.3	Quản lý vận hành, khai thác, duy tu bảo dưỡng
	3.4	Tháo dỡ CT khi hết thời gian sử dụng

Bảng 3. Các yếu tố ảnh hưởng chất lượng - tuổi thọ công trình thủy lợi tại ĐBSCL

Giai đoạn thực hiện theo Luật 50/2014/QH13	Ký hiệu Hoạt động	Hoạt động	Ký hiệu yếu tố	Yếu tố
Chuẩn bị đầu tư	1.3	Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng để xem xét quyết định đầu tư xây dựng (...)	1.3.1	Năng lực của TVTK
			1.3.2	Năng lực của đơn vị thẩm định
	1.6	Lựa chọn nhà thầu KS lập QH giai đoạn lập dự án đầu tư (luật Đấu thầu 43/2013/QH13, NĐ 63/2014/NĐ-CP)	1.6.1	Đảm bảo quy trình đấu thầu (cạnh tranh, minh bạch, không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu);
			1.6.2	Năng lực của tổ chuyên gia thầu;
			1.6.3	Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu trong việc lựa chọn nhà thầu
	1.9	Lựa chọn nhà thầu lập dự án đầu tư (luật Đấu thầu 43/2013/QH13, NĐ 63/2014/NĐ-CP)	1.6.1	Đảm bảo quy trình đấu thầu (cạnh tranh, minh bạch, không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu);
			1.6.2	Năng lực của tổ chuyên gia thầu;
			1.6.3	Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu trong việc lựa chọn nhà thầu
	1.14	Lập thiết kế cơ sở và thẩm định thiết kế cơ sở (59/2015/NĐ-CP, 42/2017/NĐ-CP)	1.14.1	Phù hợp với điều kiện tự nhiên, dân sinh vùng dự án;
			1.14.2	Hài hòa với quy hoạch chung của vùng.
1.17	Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Luật đấu thầu 43/2013/QH13, NĐ	1.17.1	Thời gian thực hiện dự án (cụ thể là thời gian thực hiện từng gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu)	
Thực hiện đầu tư	2.4	Khảo sát xây dựng (TCVN: 8477-2010, 8478-2010)	2.4.1	Sự sâu sát của chủ nhiệm khảo sát và TVGS;
			2.4.2	Đảm bảo quy trình kỹ thuật;
			2.4.3	Thiết bị khảo sát hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn.
			2.4.4	Năng lực, kinh nghiệm.
	2.4.5	Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật từ công tác hiện trường đến phòng thí nghiệm.		
	2.5	Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng	2.5.1	Năng lực của TVTK
2.5.2			Năng lực của đơn vị thẩm định	
2.7	Tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng xây dựng (luật Đấu thầu 43/2013/QH13, NĐ 63/2014/NĐ-CP, 37/2015/NĐ-CP)	2.7.1	Đảm bảo quy trình đấu thầu (cạnh tranh, minh bạch, không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu);	
		2.7.2	Năng lực của tổ chuyên gia thầu;	
		2.7.3	Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu trong việc lựa chọn nhà thầu	
2.8	Thi công xây dựng (46/2015/NĐ-CP và các tiêu chuẩn hiện hành)	2.8.1	Năng lực (kinh nghiệm, thiết bị, tài chính, thầu phụ)	

Giai đoạn thực hiện theo Luật 50/2014/QH13	Ký hiệu hoạt động	Hoạt động	Ký hiệu yếu tố	Yếu tố
			2.8.2	Chất lượng VLĐV
			2.8.3	Thí nghiệm VLĐV
			2.8.4	Bảo dưỡng sau thi công hoàn thành cầu kiện.
	2.9	Giám sát thi công xây dựng (Khoản 1 Điều 26 NĐ 46/2015/NĐ-CP)	2.9.1	Sự sâu sát của TVGS;
			2.9.2	Năng lực chuyên môn của TVGS;
			2.9.3	Giám sát cộng đồng.
	2.11	Nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành (...)	2.11.1	Sự phối hợp kiểm tra của các chủ thể tham gia
	2.12	Bản giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng	2.12.1	Chuyển giao công nghệ
	2.13	Vận hành, chạy thử và thực hiện các công việc cần thiết khác (TCVN 5639:1991)	2.13.1	Quy trình kỹ thuật vận hành (chạy thử không tải, có tải...)
	3.2	Bảo hành công trình (Nghị định 46/2015/NĐ-CP, 26/2016/TT-BXD)	3.2.1	Tính thường xuyên và kịp thời (khi bắt đầu có những hư hỏng nhỏ);
			3.2.2	Có sự kiểm tra của cộng đồng dân cư vùng hưởng lợi.
Kết thúc dự án			3.3.1	Thống nhất trên toàn hệ thống;
	3.3	Quản lý vận hành, khai thác, duy tu bảo dưỡng (Điều 19, 20 Luật thủy lợi 08/2017/QH14)	3.3.2	Tuân thủ quy trình vận hành;
			3.3.3	Sự tham gia của cộng đồng (hài hòa lợi ích);
			3.3.4	Công nghệ;

Từ những hoạt động xây dựng thu thập được thông qua lược khảo tài liệu (Bảng 1), tác giả tiến hành phỏng vấn chuyên gia trong ngành. Kết quả thu được danh sách các hoạt động chính ảnh hưởng đến CL-TT CT-TL theo vòng đời dự án, đồng thời phân chia các hoạt động theo phân nhóm ảnh hưởng và chủ thể thực hiện. Cụ thể như sau:

- Phân nhóm ảnh hưởng: Hiệu quả đầu tư (19 HĐ), chi phí (19 HĐ), tiến độ (23 HĐ), chất lượng - tuổi thọ (15 HĐ)
- Chủ thể thực hiện: Tư vấn (15 HĐ), chủ đầu tư (21 HĐ), thi công (7 HĐ), quản lý vận hành (2 HĐ).

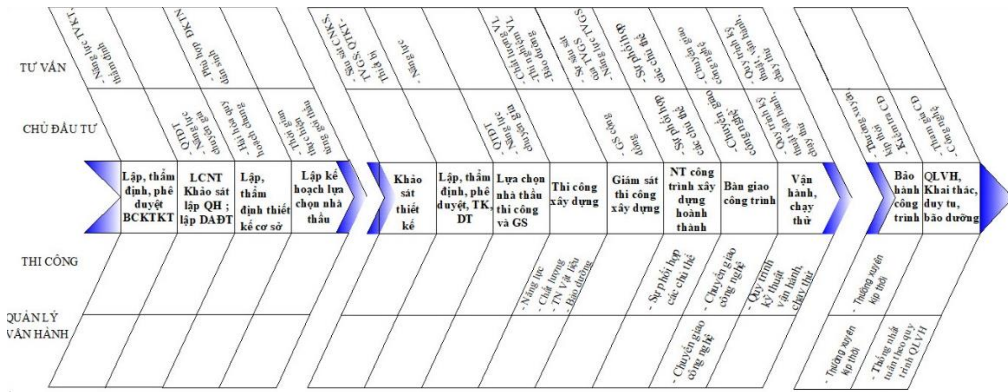
Trên cơ sở đó, tác giả đã tổng hợp qua việc phỏng vấn lần 2 được các hoạt động chính ảnh hưởng đến chất lượng công trình thủy vùng đồng bằng sông Cửu Long theo vòng đời dự án, cụ thể: giai đoạn chuẩn bị đầu tư có 5 có hoạt động chính, giai đoạn thực hiện đầu tư có 8 hoạt động chính. Giai đoạn kết thúc dự án có 2 hoạt động chính (Bảng 2)

Theo thời gian: Giai đoạn 1 (6 YT), Giai đoạn 2 (18 YT), Giai đoạn 3 (6 YT)

Theo chủ thể thực hiện: Tư vấn (13 YT), chủ đầu tư (15 YT), thi công (6 YT), quản lý vận hành (4 YT)

Tổng hợp các yếu tố tìm được thông qua phỏng vấn chuyên gia tác giả thu được danh sách các yếu tố ảnh hưởng đến CL-TT công trình thủy lợi vùng ĐBSCL theo vòng đời dự án (Bảng 1). Từ đó xây dựng biểu đồ xương cá với mục tiêu hướng đến là CL-TT công trình thủy lợi vùng ĐBSCL. Cụ thể:

- Trục chính là các hoạt động chính, các nhánh là các yếu tố được tổng hợp từ Bảng 2, tương ứng với từng hoạt động;
- Chiều từ trái sang phải là trình tự thời gian theo từng giai đoạn của vòng đời dự án (Chuẩn bị đầu tư - thực hiện đầu tư - kết thúc dự án, đưa công trình vào vận hành, khai thác, sử dụng);
- Phía trên trục chính, thứ tự từ trên xuống là nhóm các yếu tố thuộc các chủ thể là tư vấn và chủ đầu tư; Phía dưới trục chính, thứ tự từ dưới lên là nhóm các yếu tố thuộc các chủ thể lần lượt là đơn vị quản lý vận hành và thi công.



Giai đoạn 1: chuẩn bị đầu tư Giai đoạn 2: Giai đoạn thực hiện đầu tư Giai đoạn 3: Giai đoạn kết thúc

Từ biểu đồ xương cá và dữ liệu thu thập được cho thấy CL-TT công trình xây dựng không đảm bảo bởi các chủ thể tham gia dự án từ khâu chuẩn bị đầu tư đến kết thúc dự án (chủ đầu tư, tư vấn, nhà thầu thi công...) cụ thể là: Năng lực của một số Chủ đầu tư (BQLDA) còn hạn chế, chưa có kỹ năng và tính chuyên nghiệp nên không đáp ứng được yêu cầu khi được giao làm chủ đầu tư các dự án có qui mô lớn, có yêu cầu kỹ thuật cao, đã giao phó toàn bộ công tác quản lý chất lượng cho tư vấn giám sát, mà tổ chức tư vấn giám sát (TVGS) hiện tại lại còn nhiều tồn tại cần phải chấn chỉnh. Chính vì vậy mà trong nhiều trường hợp khi trên công trường xảy ra hư hỏng, tai nạn hoặc sự cố, cán bộ giám sát không nắm được trình tự thi công và đã để xảy ra sự việc đáng tiếc.

Tư vấn xây dựng: Tư vấn thiết kế (TVTK.): Trong bước lập dự án, lập hồ sơ thiết kế và giám sát tác giá trong xây dựng. Ngoài một số ít các doanh nghiệp tư vấn lớn có truyền thống, bề dày kinh nghiệm, còn lại là các doanh nghiệp tư vấn nhỏ lẻ mới hình thành trong những năm gần đây, còn yếu về năng lực. Chính vì vậy trong quá trình lập dự án, thiết kế công trình còn có nhiều thiếu sót:

Tư vấn thẩm tra: Công tác thẩm tra đồ án thiết kế cũng chưa thực hiện được yêu cầu đáp ứng về chất lượng. Chưa có các tổ chức chuyên về tư vấn thẩm tra mà chủ yếu vẫn dựa vào các tổ chức của các Hội, Trường... Nội dung thẩm tra chỉ mới nặng về phản biện, chưa đáp ứng yêu cầu đảm bảo sự tối ưu của phương án thiết kế về kinh tế - kỹ thuật.

Tư vấn giám sát (TVGS): Hoạt động giám sát chất lượng của Tư vấn được thực hiện chưa đầy đủ, TVGS chưa thực hiện nghiêm túc chức trách, nhiệm vụ của mình, không kiểm soát được chất lượng công trình trong quá trình thi công của nhà thầu; không bám sát hiện trường để kịp thời xử lý các phát sinh

bất hợp lý, chưa kiên quyết xử lý các vi phạm về chất lượng trong quá trình thực hiện dự án.

Tư vấn kiểm định: Hoạt động kiểm định chất lượng chưa mang tính chuyên nghiệp, số lượng các tổ chức kiểm định có kinh nghiệm chưa nhiều, đặc biệt là thiếu cán bộ kiểm định chuyên nghiệp; chưa có quy trình kiểm định, cơ sở đào tạo và qui định về năng lực của kiểm định viên. Có thể nói lĩnh vực này còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế và cần được hoàn thiện một cách có hệ thống trong thời gian tới.

Như vậy, có thể thấy rằng chất lượng- tuổi thọ công trình xây dựng chịu ảnh hưởng rất lớn bởi nhóm các đối tác trực tiếp tham gia dự án. Trong đó, Chủ đầu tư đóng vai trò chủ đạo; cùng các đơn vị chuyên môn bao gồm: *Tư vấn thiết kế, Tư vấn thẩm tra, Tư vấn giám sát,...* cho đến *Tư vấn kiểm định*. Thế nhưng, công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chỉ được đề cao ở vai trò của Chủ đầu tư (Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ). Do vậy, nhằm cải thiện chất lượng – tuổi thọ công trình xây dựng thì bên cạnh việc đề cao vai trò của chủ đầu tư như hiện nay; vấn đề thể chế hóa trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi, và kê cả chế tài nghiêm khắc đối với tất cả các chủ thể tham công trình là rất cần thiết.

Quá trình thi công xây dựng: Có thể khẳng định chất lượng công trình được bảo đảm là do sự tổ chức thi công tuân thủ quy trình thi công của các nhà thầu. Quy trình thiết kế kế hoạch thực hiện, quy trình thi công chuyên ngành chưa phù hợp: Việc áp dụng các tiêu chuẩn thiết kế, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ chưa đảm bảo sự lựa chọn tối ưu về kinh tế - kỹ thuật và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng dự án. Sự tuân thủ trong quá trình thi công và năng lực của nhà thầu: Nhìn chung, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu chưa tuân thủ đầy đủ theo các điều kiện về

quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án; Các biện pháp đảm bảo an toàn công trình, an toàn lao động, thực hiện các quy định về môi trường còn bị coi nhẹ. Các công trường xây dựng triển khai thiếu khoa học, mặt bằng thi công bệ bộn; Bộ máy kiểm soát chất lượng và chi phí cho việc đảm bảo chất lượng của nhà thầu chưa được quan tâm đúng mức. Nguy cơ vi phạm chất lượng công trình xây dựng là lớn và tiềm ẩn.

Quản lý vận hành: Kinh phí bảo trì, duy tu, sửa chữa công trình không đủ nên công trình xuống cấp, không đảm bảo được tuổi thọ công trình.

Ngoài những yếu tố kể trên thì trong quá trình phỏng vấn chuyên gia còn thu thập được những yếu tố khác, tạm gọi là yếu tố mềm không chỉ ảnh hưởng đến một giai đoạn của dự án mà là xuyên suốt từ khi hình thành đến kết thúc dự án:

- Hệ thống quản lý hồ sơ, dữ liệu dự án (lưu trữ - 02/2006/TT-BXD) công trình: Sự am hiểu của nhà thầu về lĩnh vực hoạt động (công trình tương tự): Điều đó được thể hiện qua việc nhà thầu quan tâm và nắm rõ điều kiện tự nhiên nơi công trình được xây dựng, lường trước một phần tình huống có thể xảy ra để có những điều chỉnh kịp thời nhằm hạn chế tối đa những rủi ro. Đồng thời nắm rõ điều kiện khai thác sử dụng.

Sự am hiểu này được chứng minh bằng việc đã từng thực hiện qua những công trình tương tự:

- Uy tín, thương hiệu của nhà thầu;
- Sự phối hợp giữa các chủ thể tham gia dự án;
- Mối quan hệ làm việc lâu dài;
- Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu trong việc lựa chọn nhà thầu;

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Xây dựng. (2012). *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị* (QCVN 03:2012/BXD).

Chính phủ Việt Nam. (2015). *Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng* (Nghị định 46/2015/NĐ-CP).

Hạnh, Đ. N., & Chính, L. V. (2014). Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long. *Báo Nông nghiệp*, 10, 206-208.

Hạnh, Đ. N. (2014). Nghiên cứu đề xuất mô hình tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi vùng Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi*, 24, 1-2.

Hoàng, N. T. C., & Văn, N. T. T. (2015). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chất lượng thi

- Hệ thống quản lý chất lượng và quản lý rủi ro (kỹ thuật) của nhà thầu;

- Kế hoạch thực hiện dự án - kế hoạch lựa chọn nhà thầu (thời gian).

Theo đó, quá trình thi công xây dựng và quản lý vận hành là hai giai đoạn khác nhau và kéo dài xuyên suốt qua vòng đời dự án. Trong đó, năng lực, kinh nghiệm nhà thầu thi công đóng vai trò quan trọng. Điều đó được thể hiện thông qua việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp điều kiện thực tế nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng công trình. Song song đó, quá trình quản lý vận hành tuân thủ quy trình thiết kế, tính kịp thời trong công tác bảo trì, duy tu, sửa chữa là cần thiết. Vấn đề này được thể hiện bởi các yếu tố như là kế hoạch kinh nghiệm của đơn vị đối với công trình tương tự, kế hoạch thực hiện, quản lý vận hành,...

4. KẾT LUẬN

Trong nghiên cứu này, tác giả đã tìm được các hoạt động xây dựng chính theo vòng đời dự án, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng - tuổi thọ công trình thủy lợi tại ĐBSCL. Để thuận tiện cho việc vận dụng vào thực tế, tác giả đã hệ thống hóa chúng dưới dạng biểu đồ xương cá biểu thị các yếu tố theo chuỗi thời gian và chủ thể tham gia. Đồng thời phân tích và đề xuất giải pháp cho nhóm yếu tố được các chuyên gia trong ngành xem là quan trọng.

Kết quả nghiên cứu này được kỳ vọng như sẽ tay thực hành cho công tác quản lý CL - TT công trình thủy lợi tại khu vực ĐBSCL của tất cả các chủ thể tham gia dự án. Đồng thời giúp nâng cao CL - TT công trình; giảm thiểu các sự cố liên quan đến công trình xây dựng, nâng cao hiệu quả đầu tư.

công xây dựng công trình. *Hội nghị khoa học thường niên trường đại học Thủy Lợi*.

Lan, Đ. T. X. (2007). *Quản lý dự án xây dựng* (tái bản lần 2). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Long, N. D., Ogunlana, S., Quang, T., & Lam, K. C. (2004). Large construction projects in developing countries: a case study from Vietnam. *International Journal of project management*, 22(7), 553-561.

Tuấn, T. H. (2014). Các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí và thời gian hoàn thành dự án trong giai đoạn thi công trường hợp nghiên cứu trên địa bàn thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 30.

Quốc hội Việt Nam. (2014). *Luật Xây dựng* (số 50/2014/QH13).